

Số: 2744 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch tổng thể của dự án “Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Hành động Quốc gia về Bảo tồn voi tại Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (VECAP 2022)” do Văn phòng đại diện Tổ chức World Wide Fund for Nature tại Việt Nam tài trợ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2855/QĐ-BNNMT ngày 25/07/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Ban hành quy chế quản lý và sử dụng vốn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Văn kiện dự án “Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Hành động Quốc gia về Bảo tồn voi tại Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (VECAP 2022)” do Văn phòng đại diện Tổ chức World Wide Fund for Nature tại Việt Nam tài trợ;

Xét đề nghị của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm tại Công văn số 1584/LNKL-DDPH ngày 11/6/2026 về việc đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Kế hoạch tổng thể đối với dự án “Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Hành động Quốc gia về Bảo tồn voi tại Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (VECAP 2022)”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể của dự án “Hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Hành động Quốc gia về Bảo tồn voi tại Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (VECAP 2022)” do Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm làm chủ dự án (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm có trách nhiệm:

- Phối hợp với Nhà tài trợ và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng hoạt động;

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng theo quy định pháp luật của Việt Nam và quy định của Nhà tài trợ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế hoạch - Tài chính; Cục trưởng các Cục: Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Tỉnh/TP: Đắk Lắk, Đà Nẵng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu VT, HTQT (NTNM).

ng

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Quốc Trị

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ

DỰ ÁN "HỖ TRỢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ BẢO TỒN VOI
TẠI VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2035, TẦM NHÌN 2050 (VECAP 2022)"

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày / /2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tỷ giá tạm tính 1 USD = 26.071 VND (Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm Văn kiện dự án được phê duyệt)

STT	Nhiệm vụ/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (Viện trợ)		Tiến độ thực hiện/ phân kỳ ngân sách										Kết quả/sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				2026		2027		2028		2029		2030					
		Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ					
				Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng				
1	2	3=(5+7 +9+11 +13)	4=(6+8 +10+12 +14)	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
A	KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH																
	TỔNG NGÂN SÁCH	917.848	23.929	345.500	9.008	258.751	6.746	145.650	3.797	98.674	2.573	69.273	1.806				
	NGÂN SÁCH DO CỤC LNKL VÀ CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN TRIỂN KHAI	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
	NGÂN SÁCH DO WWF-VIỆT NAM TRIỂN KHAI	917.848	23.929	345.500	9.008	258.751	6.746	145.650	3.797	98.674	2.573	69.273	1.806				
I	HỢP PHẦN TRUNG ƯƠNG	91.000	2.372	21.000	547	11.500	300	20.000	521	18.500	482	20.000	521				
1	Hoạt động 1. Hỗ trợ Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm tổ chức các cuộc họp liên quan công tác bảo tồn voi, bảo tồn loài, bảo tồn thiên nhiên, rừng đa dụng, sinh cảnh, lâm nghiệp	22.500	587	7.500	196	1.500	39	5.000	130	3.500	91	5.000	130				
2	Hoạt động 2. Nâng cao năng lực và hỗ trợ thực hiện các cam kết quốc tế	15.000	391	-	-	-	-	5.000	130	5.000	130	5.000	130				

STT	Nhiệm vụ/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (Viện trợ)		Tiến độ thực hiện/ phân kỳ ngân sách										Kết quả/sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				2026		2027		2028		2029		2030					
		Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ					
				Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng				
	của chính phủ Việt Nam về công tác bảo tồn voi																
3	Hoạt động 3. Hỗ trợ thiết lập và vận hành mạng lưới quản lý và thực thi công tác bảo tồn voi trên địa bàn toàn quốc	38.500	1.004	13.500	352	10.000	261	5.000	130	5.000	130	5.000	130				
4	Hoạt động 4. Xây dựng mô hình trình diễn phát triển sinh kế phù hợp cho người dân/cộng đồng trong khu vực có xung đột voi - người	15.000	391	-	-	-	-	5.000	130	5.000	130	5.000	130				
II	HỢP PHẦN ĐẮK LẮK	535.509	13.961	168.500	4.393	181.623	4.735	95.939	2.501	60.174	1.569	29.273	763				
	Nhiệm vụ 1: Nâng cao sự hiểu biết về đặc điểm sinh học, cấu trúc xã hội và phân bố của quần thể voi hoang dã tại Đắk Lắk	61.709	1.609	30.000	782	31.709	827	-	-	-	-	-	-				
5	Hoạt động 1. Giám sát voi bằng bẫy ảnh	34.409	897	23.000	600	11.409	297	-	-	-	-	-	-				
6	Hoạt động 2. Tăng cường hiểu biết về voi thông qua phân tích DNA từ mẫu phân voi	27.300	712	7.000	182	20.300	529	-	-	-	-	-	-				
	Nhiệm vụ 2: Ngăn chặn các mối đe dọa đến sự suy giảm voi hoang dã	23.990	625	7.000	182	11.000	287	5.990	156	-	-	-	-				
7	Hoạt động 3. Đánh giá tổng thể các mối đe dọa đến sự tồn tại của quần thể voi hoang dã	5.000	130		-	5.000	130	-	-	-	-	-	-				
8	Hoạt động 4. Phối hợp với các cơ quan chức năng xác định nguyên nhân những cá thể voi chết (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi...)	18.990	495	7.000	182	6.000	156	5.990	156	-	-	-	-				

STT	Nhiệm vụ/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (Viện trợ)		Tiến độ thực hiện/ phân kỳ ngân sách										Kết quả/sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				2026		2027		2028		2029		2030					
		Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ					
				Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng				
	Nhiệm vụ 4: Cải thiện môi trường sống của voi hoang dã	273.780	6.721	65.500	1.708	61.596	1.606	64.693	1.687	46.096	1.202	19.895	519				
9	Hoạt động 5. Xác định vùng sống và hành lang di chuyển của voi bằng phương pháp đeo vòng cổ cho voi	31.860	831	-	-	20.000	521	11.860	309	-	-	-	-				
10	Hoạt động 6. Phối hợp với các bên liên quan lập kế hoạch, triển khai các giải pháp để giảm thiểu các mối đe dọa đến sự tồn tại của quần thể voi hoang dã	5.000	130	-	-	5.000	130	-	-	-	-	-	-				
11	Hoạt động 7. Tăng cường năng lực cho kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng	156.303	4.076	35.000	912	36.596	954	38.333	999	36.096	941	10.305	269				
12	Hoạt động 8. Cải tạo chất lượng sinh cảnh sống cho voi	40.049	1.149	19.000	495	-	-	10.000	261	10.000	261	5.090	133				
13	Hoạt động 9. Tiến hành các chuyên công tác và trao đổi kinh nghiệm, thông tin, kỹ thuật về bảo tồn voi giữa các tỉnh giáp biên	20.500	534	11.500	300	-	-	4.500	117	-	-	4.500	117				
	Nhiệm vụ 5: Giảm thiểu xung đột voi - người hướng tới mục tiêu thúc đẩy chung sống hài hòa	112.240	2.926	66.000	1.721	42.240	1.101	2.000	52	2.000	52	-	-				
14	Hoạt động 10. Tăng cường hiểu biết về nguyên nhân, mức độ, tần suất và khu vực xung đột voi - người thông qua việc giám sát xung đột voi - người	29.240	762	24.000	626	1.240	32	2.000	52	2.000	52	-	-				
15	Hoạt động 11. Rà soát, thành lập các tổ/ đội phản ứng nhanh cấp thôn	18.000	469	17.500	456	500	13	-	-	-	-	-	-				
16	Hoạt động 12. Xây dựng mô hình trình diễn phát triển sinh kế phù hợp cho người dân/cộng đồng	65.000	1.695	24.500	639	40.500	1.056	-	-	-	-	-	-				

STT	Nhiệm vụ/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (Viện trợ)		Tiến độ thực hiện/ phân kỳ ngân sách										Kết quả/sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				2026		2027		2028		2029		2030					
		Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ					
				Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng				
	trong khu vực có xung đột voi - người																
17	Hoạt động 13. Xây dựng phương án phòng ngừa động vật rừng gây hại hỗ trợ thiệt hại về tài sản, sức khỏe và tính mạng của người dân do động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm gây ra.	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
	Nhiệm vụ 6: Nâng cao năng lực cho các bên liên quan	79.790	2.080			35.078	915	23.256	606	12.078	315	9.378	244				
18	Hoạt động 14. Tập huấn về nguyên tắc an toàn khi gặp voi và xử lý các tình huống khi gặp voi	32.500	847	-	-	8.500	222	8.000	209	8.000	209	8.000	209				
19	Hoạt động 15. Tổ chức các sự kiện truyền thông hoặc/và xuất bản các ấn phẩm	37.290	972			21.578	563	10.256	267	4.078	106	1.378	36				
20	Hoạt động 16. Nâng cao năng lực cho các đối tượng trực tiếp liên quan đến công tác bảo tồn voi	10.000	261	-	-	5.000	130	5.000	130	-	-	-	-				
III	HỢP PHẦN ĐÀ NẴNG	291.339	7.596	156.000	4.067	65.628	1.711	29.711	775	20.000	521	20.000	521				
	Nhiệm vụ 1: Nâng cao sự hiểu biết về đặc điểm sinh học, cấu trúc xã hội và phân bố của quần thể voi hoang dã tại Đà Nẵng	35.768	933	18.000	469	10.768	281	7.000	182	-	-	-	-				
21	Hoạt động 1. Giám sát voi bằng máy ảnh	35.768	933	18.000	469	10.768	281	7.000	182	-	-	-	-				
	Nhiệm vụ 4: Cải thiện môi trường sống của voi hoang dã	166.571	4.343	109.000	2.842	39.860	1.039	7.711	201	5.000	130	5.000	130				
22	Hoạt động 2. Cải tạo chất lượng sinh cảnh sống cho voi	121.571	3.169	92.000	2.399	26.860	700	2.711	71	-	-	-	-				

STT	Nhiệm vụ/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (Viện trợ)		Tiến độ thực hiện/ phân kỳ ngân sách										Kết quả/sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				2026		2027		2028		2029		2030					
		Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ					
				Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng				
23	Hoạt động 3. Đưa đàn gia súc ra khỏi vùng sinh cảnh của voi	15.000	391	-	-	-	-	5.000	130	5.000	130	5.000	130				
24	Hoạt động 4. Khôi phục và quản lý môi trường sống ở các khu vực vùng đệm để đảm bảo hành lang di chuyển của voi	30.000	782	17.000	443	13.000	339	-	-	-	-	-	-				
	Nhiệm vụ 5: Giảm thiểu xung đột voi - người hướng tới mục tiêu thúc đẩy chung sống hài hòa	54.500	1.421	19.000	495	5.500	143	10.000	261	10.000	261	10.000	261				
25	Hoạt động 5. Tăng cường hiểu biết về nguyên nhân, mức độ, tần suất và khu vực xung đột voi - người thông qua việc giám sát xung đột voi - người tại các tỉnh	14.500	378	9.000	235	5.500	143	-	-	-	-	-	-				
26	Hoạt động 6. Xây dựng mô hình trình diễn phát triển sinh kế phù hợp cho người dân/cộng đồng trong khu vực có xung đột voi - người, trong đó có các hộ dân cam kết không chăn thả gia súc trong vùng sống của voi	15.000	391	-	-	-	-	5.000	130	5.000	130	5.000	130				
27	Hoạt động 7. Duy trì hoạt động của các tổ/đội phản ứng nhanh	10.000	261	10.000	261	-	-	-	-	-	-	-	-				
28	Hoạt động 8. Xây dựng phương án phòng ngừa động vật rừng gây hại hỗ trợ thiệt hại về tài sản, sức khỏe và tính mạng của người dân do động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm gây ra.	15.000	391	-	-	-	-	5.000	130	5.000	130	5.000	130				
	Nhiệm vụ 6 - Nâng cao năng lực cho các bên liên quan	34.500	899	10.000	261	9.500	248	5.000	130	5.000	130	5.000	130				
29	Hoạt động 9. Tập huấn về nguyên tắc an toàn khi	9.500	248	5.000	130	4.500	117	-	-	-	-	-	-				

STT	Nhiệm vụ/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (Viện trợ)		Tiến độ thực hiện/ phân kỳ ngân sách										Kết quả/sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				2026		2027		2028		2029		2030					
		Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ					
				Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng				
	gặp voi và xử lý các tình huống khi gặp voi																
30	Hoạt động 10. Tổ chức các sự kiện truyền thông hoặc/và xuất bản các ấn phẩm	15.000	391			-	-	5.000	130	5.000	130	5.000	130				
31	Hoạt động 11. Nâng cao năng lực cho các đối tượng trực tiếp liên quan đến công tác bảo tồn voi	10.000	261	5.000	130	5.000	130	-	-	-	-	-	-				
B KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG																	
I	HỢP PHẦN TRUNG ƯƠNG																
1	Hoạt động 1. Hỗ trợ Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm tổ chức các cuộc họp liên quan công tác bảo tồn voi, bảo tồn loài, bảo tồn thiên nhiên, rừng đa dụng, sinh cảnh, lâm nghiệp													Các cuộc họp liên quan công tác bảo tồn voi, bảo tồn loài, bảo tồn thiên nhiên, rừng đa dụng, sinh cảnh phù hợp với các hoạt động dự án được tổ chức khi có nhu cầu nhằm hỗ trợ Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm triển khai thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm được giao	Cục LNK/ WWF/ VQGYĐ/ TTBT	Hà Nội	
2	Hoạt động 2. Nâng cao năng lực và hỗ trợ thực hiện các cam kết quốc tế của chính phủ Việt Nam về công tác bảo tồn voi													Đại diện Việt Nam được hỗ trợ tham gia các diễn đàn quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn voi nhằm nâng cao năng lực cũng như hỗ trợ thực hiện các cam kết của chính phủ Việt Nam trong công tác bảo tồn voi	Cục LNK/ WWF/ VQGYĐ/ TTBT	Hà Nội	
3	Hoạt động 3. Hỗ trợ thiết lập và vận hành mạng lưới quản lý và thực thi công tác bảo tồn voi trên địa bàn toàn quốc													Mạng lưới quản lý và thực thi có sự tham gia của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội dân sự và các bên liên quan khác để thảo luận các giải pháp bảo tồn, nâng cao năng lực quản lý, thực thi và trao đổi ý tưởng, hợp tác	Cục LNK/ WWF/ VQGYĐ/ TTBT	Hà Nội	
4	Hoạt động 4. Xây dựng mô hình trình diễn phát triển sinh kế phù hợp cho người dân/cộng đồng trong khu vực có xung đột voi - người													Nghiên cứu kế hoạch mô hình sinh thái phức hợp tạo sinh kế trên cơ sở tiếp cận rừng đa dụng khai thác các yếu tố cảnh quan, cộng đồng, văn hóa bản địa, rừng đa dụng và công tác bảo tồn voi trên toàn quốc và được mô hình trình diễn tại Đà Nẵng	Cục LNK/ WWF/ VQGYĐ/ TTBT	Hà Nội	
II HỢP PHẦN ĐẮK LẮK																	
	Nhiệm vụ 1: Nâng cao sự hiểu biết về đặc điểm sinh học, cấu trúc xã hội và phân bố của quần thể voi hoang dã tại Đắk Lắk																
5	Hoạt động 1. Giám sát voi bằng ảnh													Hồ sơ cá thể voi được lập với thông tin về tuổi, giới tính, chỉ số cơ thể	Cục LNK/ VQGYĐ/	Đắk Lắk	

STT	Nhiệm vụ/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (Viện trợ)		Tiến độ thực hiện/ phân kỳ ngân sách										Kết quả/sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				2026		2027		2028		2029		2030					
		Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ					
				Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng				
															WWF		
6	Hoạt động 2. Tăng cường hiểu biết về voi thông qua phân tích DNA từ mẫu phân voi													Chuẩn hóa phương pháp phân tích DNA mẫu phân voi thông qua giải trình tự bộ gen của 02 cá thể voi tại Đắk Lắk để xây dựng bộ công cụ xét nghiệm nhanh. Triển khai nghiên cứu quần thể voi hoang dã phân bố tại Đắk Lắk thông qua mẫu phân và đối chứng với kết quả bẫy ảnh ở hoạt động 1.	Cục LNK/ TTBT/ WWF	Đắk Lắk	
Nhiệm vụ 2: Ngăn chặn các mối đe dọa đến sự suy giảm voi hoang dã																	
7	Hoạt động 3. Đánh giá tổng thể các mối đe dọa đến sự tồn tại của quần thể voi hoang dã													Tài liệu hóa và xác minh tổng thể các mối đe dọa đến sự tồn tại của quần thể voi hoang dã để hỗ trợ cho công tác lập kế hoạch và triển khai các hoạt động bảo tồn loài	Cục LNK/ VQG/ WWF	Đắk Lắk	
8	Hoạt động 4. Phối hợp với các cơ quan chức năng xác định nguyên nhân những cá thể voi chết (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi...)													Xử lý tình huống voi chết được phối hợp thực hiện nhịp nhàng giữa các bên liên quan. Mẫu phân tích được thu thập đúng quy trình, được phân tích và báo cáo kết quả để tìm ra nguyên nhân voi chết	Cục LNK/ TTBT/ WWF	Đắk Lắk	
Nhiệm vụ 4: Cải thiện môi trường sống của voi hoang dã																	
9	Hoạt động 5. Xác định vùng sống và hành lang di chuyển của voi bằng phương pháp đeo vòng cổ cho voi													Thí điểm đeo vòng cổ cho ít nhất 01 cá thể voi hoang dã để: i) xem xét khả năng tái hòa nhập bầy đàn; bản năng sinh tồn của cá thể ngoài tự nhiên; ii) tuyến di chuyển của bầy đàn khi hòa nhập; iii) đánh giá, đưa ra bài học kinh nghiệm và khả năng nhân rộng; iv) nâng cao năng lực cho các bên liên quan.	Cục LNK/ TTBT/ WWF	Đắk Lắk	
10	Hoạt động 6. Phối hợp với các bên liên quan lập kế hoạch, triển khai các giải pháp để giảm thiểu các mối đe dọa đến sự tồn tại của quần thể voi hoang dã													Cơ chế hợp tác được trong công tác quản lý bảo vệ rừng giữa TTBT, CHĐV&QLBVR, VQG Yok Đôn, Công ty trách nhiệm hữu hạn Cao su và lâm nghiệp Phước Hòa, Công ty trách nhiệm hữu hạn lâm nghiệp Buôn Ja Wâm, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Buôn Wíng, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk...được thiết lập và vận hành hiệu quả	Cục LNK/ TTBT/ WWF	Đắk Lắk	

STT	Nhiệm vụ/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (Viện trợ)		Tiến độ thực hiện/ phân kỳ ngân sách										Kết quả/sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				2026		2027		2028		2029		2030					
		Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ					
				Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng				
11	Hoạt động 7. Tăng cường năng lực cho kiểm lâm và lực lượng bảo vệ rừng												Ít nhất 200 cán bộ trực tiếp tham gia hoạt động bảo vệ sinh cảnh voi ở VQG Yok Đôn, TTBTV, Công ty trách nhiệm hữu hạn Cao su và lâm nghiệp Phước Hòa, Công ty trách nhiệm hữu hạn lâm nghiệp Buôn Ja Wằm, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp Buôn Wing, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk, Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk được đào tạo kỹ năng tuần tra, quản lý bảo vệ rừng theo khung năng lực Kiểm lâm toàn cầu. Các trang thiết bị tuần tra được trang bị bổ sung để phục vụ cho hoạt động tuần tra, bảo vệ sinh cảnh.	Cục LNKL/ VQGYĐ/ WWF	Đắk Lắk		
12	Hoạt động 8. Cải tạo chất lượng sinh cảnh sống cho voi												Thí điểm 01 mô hình cải thiện chất lượng môi trường sống cho voi hoang dã như bổ sung nước uống, nguồn thức ăn và muối khoáng được triển khai tại các khu vực thích hợp. Tính khả thi, hiệu quả của các mô hình sẽ được đánh giá trước khi nhân rộng	Cục LNKL/ VQGYĐ/ WWF	Đắk Lắk		
13	Hoạt động 9. Tiến hành các chuyên công tác và trao đổi kinh nghiệm, thông tin, kỹ thuật về bảo tồn voi giữa các tỉnh giáp biên												Quan hệ hợp tác giữa tỉnh Đắk Lắk (Việt Nam) và tỉnh Mondulkiri (Campuchia), giữa VQG Yok Đôn và KBT động vật hoang dã Srépók trong công tác bảo tồn voi cũng như công tác quản lý bảo vệ rừng được tăng cường.	Cục LNKL/ VQGYĐ/ TTBTV WWF	Đắk Lắk		
Nhiệm vụ 5: Giảm thiểu xung đột voi - người hướng tới mục tiêu thúc đẩy chung sống hài hòa																	
14	Hoạt động 10. Tăng cường hiểu biết về nguyên nhân, mức độ, tần suất và khu vực xung đột voi - người thông qua việc giám sát xung đột voi - người												Kế hoạch quản lý xung đột voi-người theo tiếp cận chung sống hài hòa (C2C) được xây dựng trên cơ sở các dữ liệu thu được từ các hoạt động giám sát và các hoạt động được triển khai thực hiện	Cục LNKL/ TTBTV/ WWF	Đắk Lắk		
15	Hoạt động 11. Rà soát, thành lập các tổ/ đội phản ứng nhanh cấp thôn												Các tổ/ đội phản ứng nhanh cấp thôn được hỗ trợ thành lập và vận hành hiệu quả	Cục LNKL/ TTBTV/ WWF	Đắk Lắk		
16	Hoạt động 12. Xây dựng mô hình trình diễn phát triển sinh kế phù hợp cho người dân/cộng đồng trong khu vực có xung đột voi - người												Mô hình sinh kế cho cộng đồng trong vùng bị ảnh hưởng bởi xung đột voi-người được thí điểm và nhân rộng	Cục LNKL/ TTBTV/ WWF	Đắk Lắk		

STT	Nhiệm vụ/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (Viện trợ)		Tiến độ thực hiện/ phân kỳ ngân sách										Kết quả/sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				2026		2027		2028		2029		2030					
		Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ					
				Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng				
17	Hoạt động 13. Xây dựng phương án phòng ngừa động vật rừng gây hại hỗ trợ thiệt hại về tài sản, sức khỏe và tính mạng của người dân do động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm gây ra.													Thí điểm ở Đà Nẵng và nhân rộng ở Đắk Lắk khi điều kiện cho phép	Cục LNKL/ TTBT/ WWF	Đắk Lắk	
	Nhiệm vụ 6: Nâng cao năng lực cho các bên liên quan																
18	Hoạt động 14. Tập huấn về nguyên tắc an toàn khi gặp voi và xử lý các tình huống khi gặp voi													Ít nhất 15 cán bộ VQG Yok Đôn; TTBT/ và các cơ quan liên quan và 100 người dân ở các cộng đồng bị ảnh hưởng được tập huấn/tập huấn lại và tập huấn nâng cao các nội dung về nguyên tắc an toàn khi gặp voi và xử lý các tình huống khi gặp voi	Cục LNKL/ TTBT/ WWF	Đắk Lắk	
19	Hoạt động 15. Tổ chức các sự kiện truyền thông hoặc/và xuất bản các ấn phẩm													Các sự kiện truyền thông được tổ chức Ít nhất 500 người dân sinh sống ở các xã có xung đột-voi người tham gia các hoạt động truyền thông về quản lý xung đột voi-người	Cục LNKL/ TTBT/ WWF	Đắk Lắk	
20	Hoạt động 16. Nâng cao năng lực cho các đối tượng trực tiếp liên quan đến công tác bảo tồn voi													Ít nhất 02 cán bộ kỹ thuật được đào tạo chuyên sâu các nội dung, kiến thức về bảo tồn voi	Cục LNKL/ WWF	Đắk Lắk	
III	HỢP PHẦN ĐÀ NẴNG																
	Nhiệm vụ 1: Nâng cao sự hiểu biết về đặc điểm sinh học, cấu trúc xã hội và phân bố của quần thể voi hoang dã tại Đà Nẵng																
21	Hoạt động 1. Giám sát voi bằng ảnh													Hồ sơ cá thể voi được lập với thông tin về tuổi, giới tính, chỉ số cơ thể	Cục LNKL/ BQLRĐĐ Đà Nẵng/ WWF	Đà Nẵng	
	Nhiệm vụ 4: Cải thiện môi trường sống của voi hoang dã																
22	Hoạt động 2. Cải tạo chất lượng sinh cảnh sống cho voi													Thí điểm 01 mô hình cải thiện chất lượng môi trường sống cho voi hoang dã như bổ sung nước uống, nguồn thức ăn và muối khoáng được triển khai tại các khu vực thích hợp. Tính khả thi, hiệu quả của các mô hình sẽ được đánh giá trước khi nhân rộng	Cục LNKL/ BQLRĐĐ Đà Nẵng/ WWF	Đà Nẵng	

STT	Nhiệm vụ/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (Viện trợ)		Tiến độ thực hiện/ phân kỳ ngân sách										Kết quả/sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				2026		2027		2028		2029		2030					
		Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ					
				Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng				
23	Hoạt động 3. Đưa đàn gia súc ra khỏi vùng sinh cảnh của voi												Những tác động tiêu cực của việc chặn thả gia súc trong khu vực sinh cảnh của voi được nghiên cứu và phương án đưa đàn gia súc ra khỏi vùng sinh cảnh được xây dựng và triển khai thực hiện	Cục LNKL/ BQLRĐĐ Đà Nẵng/ WWF	Đà Nẵng		
24	Hoạt động 4. Khôi phục và quản lý môi trường sống ở các khu vực vùng đệm để đảm bảo hành lang di chuyển của voi												Trồng cây bản địa phân tán dọc tuyến đường Trường Sơn Đông và các khu vực ưu tiên để khôi phục môi trường sống cho voi hoang dã và hạn chế nguy cơ sạt lở đất Lâm phần BQLRĐĐ Đà Nẵng và các sinh cảnh tiềm năng cho phân bố của voi hoang dã trong hành lang đa dạng sinh học kết nối với VQG Sông Thanh được bảo vệ và phục hồi	Cục LNKL/ BQLRĐĐ Đà Nẵng/ WWF	Đà Nẵng		
Nhiệm vụ 5: Giảm thiểu xung đột voi - người hướng tới mục tiêu thúc đẩy chung sống hài hòa																	
25	Hoạt động 5. Tăng cường hiểu biết về nguyên nhân, mức độ, tần suất và khu vực xung đột voi - người thông qua việc giám sát xung đột voi - người tại các tỉnh												Kế hoạch quản lý xung đột voi - người theo tiếp cận chung sống hài hòa (C2C) được xây dựng trên cơ sở các dữ liệu thu được từ các hoạt động giám sát và các hoạt động được triển khai thực hiện	Cục LNKL/ BQLRĐĐ Đà Nẵng/ WWF	Đà Nẵng		
26	Hoạt động 6. Xây dựng mô hình trình diễn phát triển sinh kế phù hợp cho người dân/cộng đồng trong khu vực có xung đột voi - người, trong đó có các hộ dân cam kết không chặn thả gia súc trong vùng sống của voi												Mô hình sinh thái phức hợp tạo sinh kế trên cơ sở tiếp cận rừng đa dụng khai thác các yếu tố cảnh quan, cộng đồng, văn hóa bản địa, rừng đa dụng và công tác bảo tồn voi được thí điểm	Cục LNKL/ BQLRĐĐ Đà Nẵng/ WWF	Đà Nẵng		
27	Hoạt động 7. Duy trì hoạt động của các tổ/đội phản ứng nhanh												Các tổ/ đội phản ứng nhanh cấp thôn được hỗ trợ thành lập và vận hành hiệu quả	Cục LNKL/ BQLRĐĐ Đà Nẵng/ WWF	Đà Nẵng		
28	Hoạt động 8. Xây dựng phương án phòng ngừa động vật rừng gây hại hỗ trợ thiệt hại về tài sản, sức khỏe và tính mạng của người dân do động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm gây ra												Phương án phòng ngừa động vật rừng gây hại hỗ trợ thiệt hại về tài sản, sức khỏe và tính mạng của người dân do động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm gây ra được thí điểm	Cục LNKL/ BQLRĐĐ Đà Nẵng/ WWF			

STT	Nhiệm vụ/ Hoạt động	Tổng số vốn dự án (Viện trợ)		Tiến độ thực hiện/ phân kỳ ngân sách										Kết quả/sản phẩm thực hiện	Đơn vị phối hợp	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
				2026		2027		2028		2029		2030					
		Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ		Viện trợ					
				Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng	Nguyên tệ (USD)	Triệu đồng				
Nhiệm vụ 6 - Nâng cao năng lực cho các bên liên quan																	
29	Hoạt động 9. Tập huấn về nguyên tắc an toàn khi gặp voi và xử lý các tình huống khi gặp voi													Ít nhất 10 cán bộ BQLRĐĐ Đà Nẵng và các cơ quan liên quan và 50 người dân ở các cộng đồng bị ảnh hưởng được tập huấn/tập huấn lại và tập huấn nâng cao các nội dung về quản lý xung đột voi-người.	Cục LNK/ BQLRĐĐ Đà Nẵng/ WWF	Đà Nẵng	
30	Hoạt động 10. Tổ chức các sự kiện truyền thông hoặc/và xuất bản các ấn phẩm													Các sự kiện truyền thông được tổ chức Tổ chức ngày hội cộng đồng hàng năm về các nội dung tuyên truyền về bảo tồn voi, bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ rừng, các nguyên tắc an toàn cho người dân sinh sống trong vùng có voi	Cục LNK/ BQLRĐĐ Đà Nẵng/ WWF	Đà Nẵng	
31	Hoạt động 11. Nâng cao năng lực cho các đối tượng trực tiếp liên quan đến công tác bảo tồn voi													Đào tạo chuyên sâu cho 02 cán bộ lâm công tác Bảo tồn voi	Cục LNK/ BQLRĐĐ Đà Nẵng/ WWF	Đà Nẵng	